

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HÓA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 14/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 24/01/2025
V/v: Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Hà

Các hội thẩm nhân dân: Ông Đầu Khắc Dinh

Ông Nguyễn Trọng Thuý

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Phạm Trí Đôn - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hoá.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hoá tham gia phiên tòa:

Ông Nguyễn Văn Chuỳ - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hoá mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 214/2024/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 11 năm 2024 về việc: “Tranh chấp về hôn nhân gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 176/2024/QĐXXST- HNGĐ ngày 23 tháng 12 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số: 05/2025/QĐST-HNGĐ ngày 09/01/2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Phạm Thị N - sinh năm 1993 (vắng mặt)

Địa chỉ hiện nay: Số nhà 218 T, phường L, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa.

Bị đơn: Anh Lê Công T - sinh năm 1995 (vắng mặt)

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: SN 45 thôn 8, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hoá

Địa chỉ hiện nay: Melbourne, Úc.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện và bản tự khai cùng các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Phạm Thị N trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh Lê Công T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện có tổ chức cưới và đăng ký kết hôn tại UBND phường L, thành phố T, tỉnh Thanh Hoá vào ngày 29/6/2017. Sau khi cưới vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian, đến khoảng năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên

nhân mâu thuẫn là do anh T đi làm ăn xa không về, tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Mâu thuẫn đã được gia đình hai bên dàn xếp nhưng vẫn không thành. Nay xét thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T.

- Về con chung: Chị và anh T có 01 con chung là Lê Công T1 sinh ngày 22/3/2018. Ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cháu T1 và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản: Không yêu cầu giải quyết

- Về án phí: Chị nộp toàn bộ án phí theo quy định pháp luật.

** Tại biên bản lấy lời khai ngày 03/12/2024 của ông Lê Công K (là bố đẻ anh Lê Công T) trình bày:*

- Về hôn nhân: Ông K thông nhất như đơn khởi kiện của chị N trình bày về thời gian, điều kiện kết hôn của anh T và chị N. Sau khi kết hôn anh, chị chung sống hạnh phúc có mâu thuẫn gì hay không thì ông không biết. Từ năm 2023 anh T đã đi xuất khẩu lao động tại Úc đến nay chưa về. Ông có liên lạc với anh T nhưng địa chỉ làm việc và sinh sống của anh tại Úc như thế nào ông không biết cụ thể. Nay chị N xin ly hôn anh T, ông đã liên lạc cho anh T biết và anh T đồng ý ly hôn chị N.

- Về con chung: Vợ chồng anh T chị N có 01 con chung là Lê Công T1 sinh ngày 22/3/2018. Anh T có nói với ông là đồng ý giao cháu T1 cho chị N nuôi.

- Về tài sản và công nợ của anh T và chị N như thế nào ông không biết.

Các văn bản Tòa án giao cho anh T, ông K nhận và sẽ có trách nhiệm thông báo cho anh T biết nội dung.

Đại diện VKSND tỉnh Thanh Hóa phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng tại phiên tòa, trong quá trình thụ lý, giải quyết đã thực hiện đúng theo quy định của BLTTDS.

- Về hướng giải quyết: Đề nghị HĐXX căn cứ Khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 177; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 2, 3 Điều 228; Điều 238; Điều 266 của BLTTDS. Các Điều 51, 56, 57, 81, 82 và Điều 83 Luật HN &GD. Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14.

Về hôn nhân: Chị N được ly hôn anh T. Về con chung: Giao cháu T1 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Dương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên

toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Tranh chấp giữa nguyên đơn chị Phạm Thị N và anh Lê Công T là: Tranh chấp về Ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn. Bị đơn có địa chỉ trước khi xuất cảnh là thôn 8, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Nơi cư trú hiện nay là Úc. Tại công văn số: 4916/XNC(T3) ngày 25/11/2024 của phòng quản lý xuất nhập cảnh công an tỉnh Thanh Hoá thì anh T lần xuất cảnh gần nhất là ngày 09/8/2023, hiện nay chưa có thông tin nhập cảnh về nước. Tại biên bản lấy lời khai ông Lê Công K xác nhận anh T đi lao động tại Úc đến nay chưa về, vì vậy có căn cứ xác định hiện nay anh T đang ở Úc nên Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa thụ lý giải quyết vụ án là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37 BLTTDS.

Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh T vẫn vắng mặt không có lý do. Đối với chị N đề nghị xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228 BLTTDS Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh, chị.

[2]. Về nội dung:

* *Về hôn nhân*: Chị N và anh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, có tổ chức hôn lễ, có đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn hai vợ chồng sinh sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung. Năm 2023 anh T đi lao động tại Úc từ đó đến nay không về nước. Anh T có biết việc chị N làm đơn xin ly hôn nhưng cũng không thiết tha níu kéo. Như vậy chứng tỏ cuộc sống hôn nhân của vợ chồng đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu xin ly hôn của chị N là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật HN & GD nên chấp nhận.

* *Về con chung*: Chị N và anh T có 01 con chung là cháu Lê Công T1 sinh ngày 22/3/2018. Ly hôn, chị N có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con, không yêu cầu anh T đóng góp nuôi con chung. Yêu cầu của chị N là hợp tình, hợp lý, việc chị không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con là tự nguyện nên căn cứ các điều 81,82 và Điều 83 Luật HN & GD chấp nhận.

* *Về tài sản*: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

[3]. Về án phí: Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 chị N nộp toàn bộ án phí HNST.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37;

khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 266 BLTTDS; Các Điều 51, 56, 57, 81, 82 và Điều 83 Luật HN & GD. Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14.

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị N.

1. Về hôn nhân: Chị Phạm Thị N được ly hôn anh Lê Công T.

2. Về con chung: Chị N và anh T có 01 con chung là Lê Công T1 sinh ngày 22/3/2018. Giao cháu T1 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh T có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị N phải nộp 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tiền số: 0000708 ngày 28/11/2024 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa (chị N đã nộp đủ án phí).

4. Về quyền kháng cáo: Chị N, anh T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận (hoặc ngày niêm yết) bản án.

ơi nhận

- TAND Cấp cao tại HN;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- Cục THADS tỉnh Thanh Hóa;
- UBND phường L, thành phố T;
- UBND xã T, huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Ngô Thị Hà